

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 655/2019/HNGĐ-ST

Ngày 19/9/2019

V/v *Tranh chấp ly hôn*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thanh Nhàn**;
- Các hội thẩm nhân dân:
 - + Ông: **Tạ Công Minh**;
 - + Ông : **Huỳnh Văn Phó**;

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông **Võ Trương Tấn Thành** – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham
gia phiên tòa: Ông **Duy Ngọc Thái** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành
mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 273/2019/TLST – HN ngày 26 tháng
4 năm 2019 về việc: “tranh chấp ly hôn của nam nữ chung sống với nhau như vợ
chồng mà không đăng ký kết hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158 /QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng
9 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Phong Thị T sinh năm 1969;

Nơi cư trú: ấp BA, xã ĐH, huyệnCT, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Lê Văn M sinh năm 1971;

Nơi cư trú: ấp BA, xã ĐH, huyệnCT, tỉnh Tiền Giang.

(Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; Bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, Tờ tự khai cũng như trong quá trình giải quyết và
tại phiên tòa nguyên đơn Phong Thị T trình bày:**

Chị và anh Lê Văn M sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1991, không
có đăng ký kết hôn. Từ khi sống chung, anh chị sống hạnh phúc và có hai con

chung tên Lê Thị Thanh D sinh năm 1993; Lê Thị H sinh ngày 1998. Đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh M thường xuyên uống rượu say, chửi bới, đánh đập vợ con nên vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cự cãi. Vợ chồng đã xây dựng, góp ý nhưng không thể khắc phục được. Gia đình hai bên cũng động viên, hòa giải nhiều lần nhưng không hàn gắn được. Đầu năm 2013, chị bỏ đi ra ngoài sống với con và đã cắt đứt quan hệ vợ chồng với anh M cho đến nay.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Phong Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân : Chị Phong Thị T yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn M.
- Về nuôi con chung: Hai con chung đã thành niên, không yêu cầu giải quyết.
- Về tài sản chung : Vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết;
- Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

*** Theo lời khai trong quá trình giải quyết, anh Lê Văn M trình bày:**

Anh và chị Phong Thị T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1991, anh chị có đi đăng ký kết hôn tại xã Mỹ Long, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Từ khi sống chung, anh chị sống hạnh phúc và có hai con chung tên Lê Thị Thanh D sinh năm 1993; Lê Thị H sinh năm 1998. Khoảng năm 2014, vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do anh hay uống rượu say nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, có lúc đánh nhau. Chị T đã bỏ đi sống với con gái anh và cắt đứt quan hệ vợ chồng với anh cho đến nay. Anh có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Phong Thị T như sau:

- Về hôn nhân : Anh đồng ý ly hôn với chị Phong Thị T.
- Về nuôi con chung: Hai con chung đã thành niên, không yêu cầu giải quyết;
- Về tài sản chung : không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết;
- Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

*** Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:**

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, HĐXX, các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng thủ tục tố tụng. Viện kiểm sát không có kiến nghị bổ sung thêm.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào quy định Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX tuyên bố không công nhận quan hệ của chị Phong Thị T và anh Lê Văn M là vợ chồng;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Phong Thị T yêu cầu Tòa án cho ly hôn và giải quyết việc nuôi con. HĐXX xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn và nuôi con của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét bị đơn Lê Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Văn M theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Phong Thị T và anh Lê Văn M chung sống như vợ chồng từ năm 1991. Theo hướng dẫn Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc hội hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì đây là trường hợp phải đăng ký kết hôn. Tuy nhiên qua xác minh tại địa phương nơi cư trú của anh chị đều xác nhận Chị T và anh M vẫn không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Căn cứ Hướng dẫn Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc hội hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX tuyên bố không công nhận quan hệ của chị Phong Thị T và anh Lê Văn M là vợ chồng.

[4] Về nuôi con chung : Hai con chung đã thành niên, Chị T và anh M không yêu cầu giải quyết. HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung : Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết. HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Phong Thị T phải chịu án phí DSST trong vụ án ly hôn theo quy định Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí;

[7] Xét ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích trên. HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

**Áp dụng: Khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
Điều 14, 15, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc hội hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.**

**Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016
của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí;**

Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Phong Thị T.

- **Về hôn nhân:** Tuyên bố không công nhận quan hệ của chị Phong Thị T và anh Lê Văn M là vợ chồng;
- **Về nuôi con chung:** không xem xét.
- **Tài sản chung, Nợ chung:** Không xem xét.
- **Về án phí:** Chị Phong Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn. Được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Phong Thị T đã nộp theo biên lai thu số 0009646 ngày 22/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.
- **Về quyền kháng cáo:** Chị Phong Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Văn M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND.tỉnh Tiền Giang;
- VKSND.huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS. huyện châu Thành;
- UBND xã Diêm Hy;
- Các đương sự;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Thanh Nhàn